

Số: 02/2023/QĐST- KDTM

Văn GiAg, ngày 31 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 2 Luật người cao tuổi; khoản 1 điều 10 Luật phí và lệ phí; Điều 12, 14, 15 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 05 năm 2023. Về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doAh thương mại thụ lý: 07/2022/TLST- KDTM ngày 08 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo Đ xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ trụ sở chính: 117 QuAg Trung, thành phố V, tỉnh Nghệ A

Đại diện theo pháp luật bà Thái H – Tổng giám đốc

Đại diện hợp pháp theo uỷ quyền: ông Ngô Đ T –Giám đốc phòng giao dịch Mỹ Yên

Địa chỉ: 39A, thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh HưngYên.

Theo giấy uỷ quyền số 67/2022/UQ-CNHY ngày 07/3/2022

Bị đơn: - Ông Đào Mạnh G – Sinh năm: 1955

- Bà Đỗ Thị A – Sinh năm: 1960

Đều trú tại: Thôn 12, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Lê Thị Đ - Sinh năm: 1930

Người được cụ Đ ủy quyền: Ông Đào Mạnh G – Sinh năm: 1955

- Anh Đào Ngọc C-SN:1984.

- Anh Đào Ngọc C1 – SN:1995

Đều trú tại: Thôn 12, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên

- Chị Đào Thị Thu H – Sinh năm: 1988

Trú tại: thôn C, Thị Trấn V, huyện V, Hưng Yên

- Chị Đào Thị H1 - Sinh năm: 1993

Trú tại: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số nợ:

Ngày 22/03/2017 Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hưng Yên – Phòng giao dịch Mỹ Yên với ông Đỗ Mạnh G và bà Đỗ Thị A ký kết Hợp đồng tín dụng số HY002044/2017/HĐTD-BACABAK. Theo hợp đồng Ngân hàng TMCP B cho vợ chồng ông G, bà A vay số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 22/03/2017 đến ngày 22/03/2018); Lãi suất cho vay (lãi suất trong hạn): lãi suất cho vay bA đầu 11,5%/năm; Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo mức lãi suất do BAC A BAK quy định trong từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đã áp dụng tại thời điểm C nợ quá hạn và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc; Mức phạt chậm trả lãi bằng 10%/năm và được tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi; Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh;

Cùng ngày 22/3/2017 Ngân hàng TMCP B C khoản cho ông G và bà A tiền vay để thanh toán tiền hàng bằng Khế ước nhận nợ ngày 22/03/2017:

Số tiền nhận nợ: 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

Kỳ hạn trả nợ gốc: Cuối kỳ

Kỳ hạn trả lãi: ngày 25 hàng tháng

Tài sản đảm bảo cho khoản vay và nghĩa vụ trả nợ cho Hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 21/03/2017, Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hưng Yên – PGD Mỹ Yên với ông G, bà A và các thành viên khác trong hộ gia đình là: cụ Lê Thị Đ, Anh Đào Ngọc C, chị Đào Thị Thu H, chị Đào Thị H1, Anh Đào Ngọc C1 ký Hợp đồng thế chấp số 2044/2017/HĐTC-BacABAK, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thửa đất số 85, tờ bản đồ số 26, diện tích 402m² tại thôn 12, xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số **V614194**, vào sổ cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số **00841 QSDĐ/H180 QĐ21/4/2004** do UBND huyện V cấp ngày 21/04/2004 cho hộ ông Đào Mạnh G. Hợp đồng thế chấp nêu trên được công chứng tại Văn phòng công chứng P, tỉnh Hưng Yên (công chứng ngày 21/03/2017, số công chứng 666, quyền số 01/2017- TP/CC-SCC/HĐGD); Tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V, tỉnh Hưng Yên ngày 22/03/2017, sổ đăng ký 310, quyền số 01.

- Tính đến ngày 22/5/2023, ông G và bà A còn nợ Ngân hàng:

Nợ gốc quá hạn: 46.669.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 6.174.103 đồng

Nợ lãi quá hạn: 199.028.331 đồng

Nợ lãi phạt chậm trả: 3.214.013 đồng

Tổng cộng: 255.085.447 đồng

2.2. Về thời gian trả nợ, các đương sự thỏa thuận:

Ông G, bà A có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng theo lộ trình sau:

Kỳ 1: Ngày 25/6/2023 trả 46.669.000 đồng tiền gốc

Kỳ 2: Ngày 25/07/2023 trả toàn bộ tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả tính đến ngày 22/5/2023 là 208.416.446 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 23/5/2023 đến khi ông G và bà A trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết.

Sau khi ông G, bà A trả hết nợ gốc theo đúng cam kết, Ngân hàng xem xét miễn, giảm lãi cho ông G, bà A theo quy định.

2.3. Về việc xử lý tài sản bảo đảm: Khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông G và bà A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp 2044/2017/HĐTC-BacABak, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất thửa đất số 85, tờ bản đồ số 26, diện tích 402m² tại thôn 12, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn G, tỉnh Hưng Yên, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số **V614194**, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **00841 QSDĐ/H180 QĐ21/4/2004** do UBND huyện Văn G cấp ngày 21/04/2004 cho hộ ông Đào Mạnh G để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng B thì ông G và bà A phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng B.

2.4. Về án phí: Ông Đào Mạnh G và bà Đỗ Thị A tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đào Mạnh G, bà Đỗ Thị A là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm cho ông Đào Mạnh G và bà Đỗ Thị A.

Hoàn Trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 8.071.000đ theo biên lai số AA/2021/0010779 ngày 06/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn G

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-

THẨM PHÁN

Bùi Vũ Thu Giang